

NHỮNG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP.

GS. Bùi Hiền

Lời toà soạn: Trong bối cảnh quốc tế hiện nay và đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập WTO, vai trò quan trọng của tiếng nước ngoài ngày càng được khẳng định. Tuy nhiên, việc dạy - học tiếng nước ngoài tại Việt Nam vẫn còn những điều cần bàn. Nhân dịp năm học mới 2007-2008, GS. Bùi Hiền đã có những lời tâm huyết về vấn đề này.

Có thể nói trong sự nghiệp giáo dục ngoại ngữ vấn đề chất lượng và hiệu quả của việc dạy-học luôn được các nhà quản lí và sư phạm đặt lên hàng đầu để tìm tòi các biện pháp hữu hiệu nhất. Thế nhưng cho tới nay vẫn chưa có tiếng nói chung trong giới khoa học, chưa đạt được sự nhất trí cao về các giải pháp cơ bản cần thiết nhất, bởi lẽ quan điểm và phương pháp tiếp cận của các nhà khoa học, của các trường phái giáo dục pháp ngoại ngữ còn có nhiều điểm khác biệt rất đáng kể.

Sở dĩ có sự khác nhau là vì quan niệm xuất phát ban đầu về bản chất và chức năng của ngoại ngữ không giống nhau, vì vậy cần phải phân biệt rõ nội ngữ với ngoại ngữ, cần có quan niệm thống nhất về vai trò, vị trí, chức năng của ngoại ngữ trong mỗi nền giáo dục thì mới có thể đưa ra những quyết sách chính xác, phù hợp với mục đích, mục tiêu, yêu cầu, điều kiện và hoàn cảnh thực tế của người dạy, người học và người dùng đối với từng ngoại ngữ tại mỗi vùng, mỗi lãnh thổ, mỗi quốc gia cụ thể.

I. Vị trí và chức năng bộ môn ngoại ngữ trong nhà trường

Ngay từ khi ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ và Bộ Giáo dục đã khẳng định vị trí quan trọng của ngoại ngữ trong chương trình giáo dục của nhà trường Việt Nam. Tại buổi lễ khai giảng trường Đại học Quốc gia (ĐHQG) Việt Nam ngày 15/11/1945, với sự có mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo sư Nguyễn Văn Huyền, Giám đốc Đại học vụ, đã tuyên bố: “Thêm nữa, vì nhận xét rằng trong thế giới đại đồng ngày nay không một nước nào dẫu lớn hay nhỏ, là có thể sống tách biệt được, nên trường Đại học sẽ chú trọng đặc biệt ngay trong niên khoá 1945-1946 tới những sinh ngữ có quan trọng cho văn hoá, như tiếng Trung Hoa, tiếng Anh-Mĩ, tiếng Nga.” (*Nhân dân*, 31/12/2001). Tiếp đó trong các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành vào những năm 1968, 1972 và 1994 về ngoại ngữ đều khẳng định vị trí của ngoại ngữ là một bộ môn văn hoá cơ bản trong chương trình giáo dục của cả cấp phổ thông và đại học với chức năng bao trùm là góp

phần giáo dục toàn diện cho học sinh. Có thể nêu các chức năng cụ thể:

1/ Ngoại ngữ làm công cụ giúp cho người đã học giao tiếp được với người bản ngữ và người nước ngoài khác biết ngoại ngữ đó.

2/ Ngoại ngữ có khả năng góp phần giáo dục nhân cách khi được đưa vào dạy học trong nhà trường.

3/ Ngoại ngữ dùng làm phương tiện giúp cho người học có thể hoàn thiện thêm tiếng mẹ đẻ và nâng cao một phần khả năng tư duy ngôn ngữ.

4/ Ngoại ngữ là kho chứa mọi giá trị văn hoá, đồng thời là công cụ chuyển tải các thông tin trên mọi lĩnh vực của quốc gia sản sinh ra ngoại ngữ đó hoặc của một vài quốc gia sử dụng ngoại ngữ ấy đến người học, người dùng.

5/ Ngoại ngữ là công cụ tuyên truyền, cổ vũ, tác động từ nước ngoài đến người học theo các định hướng giá trị vật chất và tinh thần của nước đó.

6/ Ngoại ngữ có khả năng trở thành phương tiện hữu hiệu dung nạp một phần giá trị văn hoá bản địa của quốc gia người học và chuyển lại cho chính dân tộc sản sinh ra ngoại ngữ đó và những người nước ngoài khác.

Tất cả các chức năng này luôn thể hiện trong thực tiễn hoạt động, nhưng mỗi chức năng sẽ phát huy tác dụng mạnh hay yếu tùy thuộc vào chính sách, mục đích, yêu cầu và

phương thức sử dụng ngoại ngữ ấy của mỗi nước, mỗi cộng đồng và mỗi cá nhân.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các ngoại ngữ được lựa chọn để đưa vào chương trình giáo dục đều là những ngôn ngữ thuộc các nền văn hoá lớn và tiên tiến hàng đầu như: Anh, Pháp, Nga, Hoa, Đức, Nhật, Tây Ban Nha... Song việc ưu tiên lựa chọn một vài ngoại ngữ cụ thể nào là tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu chiến lược chung của mỗi quốc gia, dựa trên cơ sở cân nhắc các nhân tố chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, khoa học có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc mình. Tuy nhiên đôi khi người ta cũng quá lệ thuộc vào một vài yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất thời trong một giai đoạn nào đó mà quyết định lựa chọn ngoại ngữ này, loại bỏ ngoại ngữ kia. Chính sách ngả nghiêng như vậy có thể mang lại lợi ích trước mắt, nhưng về lâu dài sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững, ổn định của đất nước. Bởi vậy trong thời điểm hội nhập toàn cầu hiện nay, việc kiên trì giữ vững chủ trương dạy-học phổ biến cả 4 ngoại ngữ là Anh, Pháp, Nga, Hán đã 3 lần được khẳng định trong các chỉ thị và quyết định của Thủ tướng Chính phủ và trả lại dần vị trí cần phải có cho mỗi ngoại ngữ với tư cách một bộ môn văn hoá bình đẳng trong chương trình giáo dục của nhà trường. Việc khẳng định lại vị trí của từng ngoại ngữ của Nhà nước chứng minh cho người học thấy rõ giá trị đích thực của chúng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, do đó làm yên lòng và khích lệ được người học. Chỉ khi nào vị trí của từng ngoại ngữ được xác định chính

xác, lâu bền, ổn định thì việc nói đến chất lượng và hiệu quả giáo dục ngoại ngữ nói chung và từng thứ tiếng nói riêng mới có cơ sở thực tế và khoa học vững chắc. Chỉ khi nào người quản lí, người dạy và người học cùng có nhận thức đúng vị trí và tầm quan trọng của từng ngoại ngữ trong chương trình giáo dục của nhà trường thì mới có cơ sở thực tế và pháp lí đòi hỏi chất lượng và hiệu quả giáo dục theo đúng yêu cầu và mong muốn của mọi người.

II. Mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với người học ngoại ngữ

Cần phải thấy rằng mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với người học có thể trùng và cũng có thể khác với mục đích, mục tiêu, yêu cầu của người dạy và người sử dụng ngoại ngữ. Cho nên trước khi bắt đầu quá trình giáo dục-đào tạo ngoại ngữ phải xác định rõ ràng, cụ thể các mục đích, mục tiêu, yêu cầu giữa người dạy với người học xem có tương đồng và phù hợp không. Nếu những điểm then chốt nhất này không được giải quyết thống nhất với nhau, thì chắc chắn chất lượng và hiệu quả sẽ thấp và cũng khó có thể đánh giá chính xác. Định nghĩa khái quát của Hội nghị các Bộ trưởng Giáo dục của các nước Đông Nam Á SEAMEO năm 2002 đã nêu rõ: “**Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu**”, nên không thể có chất lượng như nhau khi mục tiêu, yêu cầu đối với người dạy, người học và người sử dụng lại khác nhau.

Dựa trên kinh nghiệm thực tế và những quan sát cụ thể qua các hoạt động dạy-học ngoại ngữ trong nước và trên thế giới, có thể

phân tích thấy có hai loại mục đích, mục tiêu chủ yếu, phổ quát của giáo dục ngoại ngữ như sau:

1. Mục đích hướng ngoại

Thông thường người ta quan niệm nắm ngoại ngữ là để giao tiếp với người nước ngoài, để tiếp thu những tinh hoa văn hoá vật chất và tinh thần của nước ngoài về phục vụ cho đất nước và bản thân. Ngày nay nhiều người còn cho rằng để phục vụ công cuộc hội nhập kinh tế cần phải coi việc đi học và đi làm ở nước ngoài là mục đích chủ yếu của dạy học ngoại ngữ. Tất cả những mục đích thực tế đó đều có yêu cầu chủ yếu là phải nghe tốt, đọc tốt, còn yêu cầu về nói chỉ cần mức độ nào thôi. Đó là nội dung chủ yếu trong mục đích giáo dục ngoại ngữ hướng ngoại. Theo số liệu báo chí, hàng năm có hàng nghìn sinh viên và hàng chục vạn lao động đi ra nước ngoài học tập và làm ăn. Tuy vậy đó cũng chỉ là một tỉ lệ rất nhỏ so với tổng số học sinh viên và thanh niên lao động ở nước ta, nên không thể lấy mục đích hướng ngoại của thiểu số này áp đặt cho đa số người học khác được.

Vậy *giáo dục ngoại ngữ hướng ngoại* không phải là mục đích duy nhất, thậm chí không phải là mục đích chủ yếu của nhà trường Việt Nam trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

2. Mục đích hướng nội

Giáo dục ngoại ngữ hướng nội là nhằm mục đích tạo cho người Việt Nam luôn luôn

đứng ở vị thế chủ nhân, dùng ngoại ngữ để giao tiếp với người nước ngoài để: Tích cực lựa chọn, thu lượm các thông tin có ích cho đất nước và bản thân mình qua các phương tiện thông tin đại chúng; Chủ động quảng bá hình ảnh đất nước, con người của các dân tộc Việt Nam với người nước ngoài; Trình bày, giải thích, thuyết phục bạn bè quốc tế đến giao lưu, làm ăn với chúng ta; Đấu tranh vạch trần những âm mưu chống phá Việt Nam, tập hợp bạn bè quốc tế đồng tình, ủng hộ và bảo vệ những quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên trường quốc tế và trong WTO. Những mục đích giáo dục ngoại ngữ hướng nội như vậy đòi hỏi phải có đủ mọi trình độ sử dụng ngoại ngữ của tất cả các tầng lớp xã hội dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Theo dự báo, tới năm 2010 sẽ có khoảng 10 triệu khách quốc tế đến tham quan, du lịch, tìm hiểu đất nước, con người Việt Nam, đến làm ăn kinh doanh với chúng ta. Đây là yêu cầu bức thiết đặt ra đối với giáo dục ngoại ngữ để chuẩn bị cho thế hệ thanh niên tham gia hội nhập quốc tế ngay trong nước.

Vốn kiến thức, các kĩ năng ngoại ngữ cần dùng cho mục đích và yêu cầu về những mặt này trong hội nhập quốc tế chỉ có thể thực hiện được thông qua hầu hết các chức năng của ngoại ngữ, đặc biệt là chức năng Việt hoá một phần ngoại ngữ cả về nội dung lẫn hình thức. Trong tất cả các ngoại ngữ vốn dĩ đều không có những từ ngữ chỉ các sản

phẩm đặc trưng cho đất nước, con người, văn hoá, lối sống của Việt Nam, nên chúng ta phải tìm mọi cách thể hiện nó bằng tiếng nước ngoài, thậm chí phải phiên âm, tạo ra từ mới trong ngoại ngữ như: nem, fo, nuocmam... Đó chính là Việt hoá ngoại ngữ để phục vụ nhu cầu giao lưu kinh tế, văn hoá, khoa học, thương mại, du lịch... của ta. Bài học đắt giá về tên gọi con cá basa của Việt Nam cho ta thấy sự thua thiệt trong việc doanh nhân Việt Nam đã ngây thơ lấy tên loài cá catfish của Mĩ gán cho con cá basa của Việt Nam để cho người Mĩ dễ hiểu, nên mới bị người Mĩ kiện ta bán phá giá catfish trong nước họ. Nếu người ta cứ dùng nguyên tên gọi cá basa, Việt hoá tiếng Anh bằng cách phiên âm thành basafish như hiện nay, thì người Mĩ đã không có cơ gì kiện ta. Tất cả những điều nói trên đều cho thấy *mục đích hướng nội của giáo dục ngoại ngữ* có ý nghĩa to lớn thế nào đối với đất nước Việt Nam trong quá trình hội nhập WTO. Đó cũng chính là lí do khiến nền giáo dục của ta phải đưa mục đích và yêu cầu hướng nội thành những quy định bắt buộc phổ biến trong dạy học ngoại ngữ nói chung và ở phổ thông nói riêng. Có làm được như vậy thì ngoại ngữ mới thực sự phục vụ hữu hiệu công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, mới giúp cho đất nước hội nhập kinh tế có hiệu quả mà vẫn giữ vững và đề cao được giá trị, bản sắc dân tộc, mới thực sự xác lập được vị trí bình đẳng trong cộng đồng quốc tế, chú

không để bị lấn át, hoà tan trong trào lưu toàn cầu hoá.

III. Đối tượng của giáo dục ngoại ngữ

1. Khối học sinh, sinh viên trong nhà trường phổ thông Việt Nam

Tuy chưa xác định cụ thể, chính xác phương hướng nghề nghiệp, nhưng đối với học sinh phổ thông theo học ngoại ngữ chương trình 3 năm hay 7 năm vẫn cần phải kết hợp cả hai mục đích hướng nội và hướng ngoại với những mục tiêu, yêu cầu về cả các mặt phẩm chất đạo đức con người Việt Nam XHCN, mặt kiến thức văn hoá đất nước học Việt Nam và nước ngoài, và về cả bốn kĩ năng ngoại ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ tối thiểu ban đầu.

2. Khối học sinh, sinh viên trong các trường chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng và đại học

Do đã có định hướng nghề nghiệp nhất định, họ phải lựa chọn mục đích và yêu cầu học ngoại ngữ sao cho phù hợp nhất với hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này, với điều kiện, hoàn cảnh, thời gian của mình. Với đối tượng này, các lớp học ngoại ngữ chung chung, không tập trung theo mục đích yêu cầu xác định sẽ khó có thể đem lại hiệu quả tối ưu và kết quả tối đa với chất lượng mong muốn.

3. Khối học sinh, sinh viên chuyên ngoại ngữ

Ngoại ngữ được xác định là chuyên môn nghề nghiệp của họ theo hai hướng chính là

giáo viên và phiên dịch, nên mục đích, mục tiêu và yêu cầu giáo dục ngoại ngữ đối với họ là khá đầy đủ và toàn diện. Họ luôn luôn phải sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp với nước ngoài nhằm tìm kiếm, chọn lọc thông tin cần thiết và bổ ích truyền đạt cho học sinh và đồng bào trong nước, đồng thời cũng phải sử dụng ngoại ngữ để tuyên truyền, quảng bá những tinh hoa văn hoá vật chất và tinh thần độc đáo của Việt Nam ra thế giới. Những yêu cầu chất lượng toàn diện cao như vậy đòi hỏi cả người quản lí, người dạy và người học phải hết sức cố gắng tạo ra những điều kiện và cơ sở vật chất kĩ thuật tối đa và hiện đại nhất, đồng thời phải huy động triệt để tiềm năng trí tuệ cao nhất của mỗi người, phải biến mục đích, lí tưởng nghề nghiệp thành động lực tinh thần mạnh mẽ nhất trong sự giáo dục và tự giáo dục thì mới mong đạt được mục tiêu đề ra cho từng người.

Tuy mỗi nhóm có những đặc thù riêng và mỗi cá nhân có những tư chất riêng làm ảnh hưởng khác nhau đến chất lượng và hiệu quả - dạy học ngoại ngữ, song điểm chung có tính quyết định đến kết quả học tập của mỗi người, đó là *động cơ học tập*. Chỉ khi nào hình thành trong mỗi người một động cơ học tập đúng đắn, lành mạnh cộng với nghị lực, ý chí và quyết tâm cao độ thì mới tạo được động lực tối ưu trên con đường chiếm lĩnh đỉnh cao về ngoại ngữ, mới đem lại hiệu quả thực sự hữu ích cho xã hội và bản thân. Vậy trách nhiệm của tất cả mọi người, từ quản lí, phụ huynh đến giáo viên và học sinh là phải xây dựng được động cơ đúng đắn và kiên trì

giữ vững nó trong cả quá trình học tập và trong sự nghiệp tương lai, có như vậy người học mới trở thành nhân vật trung tâm trong quá trình giáo dục theo quan điểm giáo dục hiện đại: Lấy người học làm trung tâm.

IV. Người dạy ngoại ngữ

Vai trò của người thầy trong giáo dục xưa nay luôn được coi là chủ thể, là nhân tố quyết định của chất lượng: "*Không thầy đố mày làm nên*", "*Thầy nào, trò nấy*". Nhưng trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, vai trò của người thầy đã có những thay đổi đáng kể, bởi lẽ nguồn thông tin kiến thức của thầy không phải là duy nhất nữa, mà nó còn được bổ sung, thậm chí được cập nhật và hiệu chỉnh thường xuyên từ các nguồn đáng tin cậy khác. Song chúng ta vẫn phải khẳng định rằng nguồn thông tin từ người thầy luôn hệ thống nhất, khoa học nhất, chọn lọc nhất và chính thống nhất, còn bản thân người thầy nói chung là tấm gương, là trụ cột, là nhân tố đảm bảo vững chắc nhất cho chất lượng và hiệu quả của giáo dục. Bởi vậy việc tăng cường bồi dưỡng và phát huy vai trò của người thầy phải trở thành một chính sách quan trọng của ngành giáo dục Việt Nam.

Ngoài những khía cạnh cơ bản như phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tay nghề sư phạm giống như giáo viên các bộ môn khác ra, trong đội ngũ giáo viên ngoại ngữ còn cần phân biệt rõ ràng vai trò sư phạm của *hai loại giáo viên trong nước và giáo viên nước ngoài*.

1. Về giáo viên ngoại ngữ người nước ngoài

Xưa nay người ta thường cho rằng giáo viên người bản ngữ giảng dạy chắc chắn phải hơn hẳn giáo viên Việt Nam, nên chuyên gia nước ngoài hình như bao giờ cũng được đánh giá cao hơn, trọng dụng hơn. Tiếc thay đó chỉ là sự ngộ nhận của những người không am hiểu về giáo dục ngoại ngữ. Theo định nghĩa: "*Chất lượng giáo dục là sự phù hợp với mục tiêu*" của các Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á, thì không người nước ngoài nào có thể quán triệt đầy đủ mục tiêu giáo dục ngoại ngữ ghi trong chương trình bộ môn của Bộ Giáo dục Việt Nam. Không kể đến mặt giáo dục lí tưởng, đạo đức nhân cách con người XHCN Việt Nam mà họ không thể đảm trách nổi, thì mục đích giáo dục ngoại ngữ hướng nội của Việt Nam họ cũng không có đủ khả năng thực hiện. Mà mục đích giáo dục ngoại ngữ hướng nội mới đảm bảo đúng chất lượng chủ yếu theo yêu cầu của chúng ta. Họ đặc biệt đề cao đơn thuần mặt thực hành tiếng. Điều này không phải hoàn toàn sai, mà điều đáng nói ở đây là từ yêu cầu phiến diện đó người ta đánh giá thấp chất lượng giáo dục ngoại ngữ toàn diện của các giáo viên Việt Nam, tệ hại hơn là bao giờ người ta cũng trả lương thấp hơn nhiều lần so với người của họ cùng dạy các phần việc tương đương. Song gần đây từ góc độ của người "trong cuộc", người "da trắng" và giáo viên tiếng Anh người bản ngữ, Phillipson (1992), Pennycook (1994, 1998) và Holliday

(2005) muốn gửi gắm một thông điệp đến tất cả giáo viên tiếng Anh rằng đừng bao giờ để mình và mọi người bị ám ảnh bởi cái gọi là "siêu việt" và tiên tiến của phương pháp giảng dạy phương Tây. "Tất cả những ai làm trong ngành công nghiệp giảng dạy tiếng Anh cũng cần nhận thức rằng ngành công nghiệp giảng dạy tiếng Anh chưa bao giờ và không bao giờ vô tư hay phi chính trị cả". (*Tiếng Anh trong các nền văn hoá khác nhau*. Để tài nghiên cứu của Viện Đại học Mở Hà Nội, 2006, trang 61). "Những học giả này cho rằng không thể có một thứ tiếng Anh

phi chính trị được, bởi tiếng Anh là một công cụ có thể nói là mạnh nhất đang được sử dụng vào nhiều mục đích chính trị khác nhau trên thế giới từ trước đến nay". (*Vấn theo tài liệu trên, trang 76*). Những nhận định trên đã làm cho nhiều người trong chúng ta không còn ảo tưởng về vai trò siêu việt của các giáo viên bản ngữ.

Trong mục dịch vụ giáo dục của WTO, tại phân ngành "E" nói về các dịch vụ khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ), phía Việt Nam đã cam kết thực hiện theo các phương thức cung cấp dịch vụ như sau:

1	Cung cấp qua biên giới	Chưa cam kết	Chưa cam kết
2	Tiêu dùng ở nước ngoài	Không hạn chế	Không hạn chế
3	Hiện diện thương mại	Không hạn chế, ngoại trừ: - Kể từ ngày gia nhập, chỉ cho phép thành lập liên doanh. Cho phép phía nước ngoài sở hữu đa số vốn trong liên doanh. Kể từ ngày 1/1/2009 sẽ cho phép thành lập cơ sở đào tạo 100% vốn đầu tư nước ngoài. - Sau 3 năm kể từ ngày gia nhập: không hạn chế.	Giáo viên nước ngoài làm việc tại các cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm giảng dạy và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam công nhận về chuyên môn.
4	Hiện diện của thể nhân	Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.

Nguồn: Ban Công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam. Biểu CLX - Việt Nam. WT/ACC/VNM/48/Add.2, 27 tháng 10 năm 2006.

Tuy chúng ta đã quy định về điều kiện giáo viên nước ngoài như trên, nhưng làm sao để kiểm soát được chặt chẽ và đầy đủ toàn bộ quá trình giáo dục của họ, kể từ mục đích, yêu cầu, nội dung...khi tất cả đều hoàn toàn do họ đặt ra và chủ động thực hiện theo

mô hình tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Bởi thế không nên "lí tưởng hoá" vai trò của giáo viên ngoại ngữ người nước ngoài. Biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế vai trò của giáo viên người nước ngoài là Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ nên cho phép đưa vào Việt Nam

những chuyên gia cao cấp (tiến sĩ khoa học), còn lại tuyệt đại đa số giáo viên các trường quốc tế phải là người Việt Nam. Như vậy vừa có lợi cho cả họ và Việt Nam về mặt kinh tế và dịch vụ giáo dục chuyên môn thuần túy, mà không gắn với mục đích chính trị nào cả.

2. Giáo viên ngoại ngữ là người Việt

Trong giáo dục ngoại ngữ, các giáo viên người Việt Nam đã đóng góp rất lớn cho công cuộc bảo vệ và xây dựng tổ quốc. Không ai có thể phủ nhận được thành tích của hàng ngàn sinh viên do chính chúng ta giáo dục và đào tạo đã tham gia đắc lực vào công cuộc xây dựng đất nước trên tất cả các công trường, nhà máy do các nước bạn giúp đỡ sau Hiệp định Giơnevơ lập lại hoà bình ở Việt Nam, đã giúp hàng ngàn hàng vạn sinh viên, cán bộ tiếp cận được với các ngành khoa học-kỹ thuật tiên tiến của thế giới, và đặc biệt đã có công lao to lớn trong công cuộc chống Mĩ cứu nước trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá... Với vốn liếng ngoại ngữ còn ít ỏi và chắc chắn còn cách xa so với các chuẩn quốc tế, đội ngũ giáo viên và phiên dịch viên được người Việt Nam đào tạo tại Việt Nam đã bằng mọi cách chuyển tải được tất cả những thông tin cần thiết của nước ngoài về cho đất nước, và cũng hết sức mình làm cho bạn bè quốc tế hiểu được Việt Nam và sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm mọi mặt cho chúng ta, làm kẻ địch phải khuất phục trước chính nghĩa của Việt Nam, trước ý chí và quyết tâm xả thân vì nước của con người Việt Nam. Vì thế cần quan niệm

chính xác hơn về vai trò của giáo viên ngoại ngữ trong nước và phải đặt họ vào đúng vị trí đáng có mà đánh giá đúng những cống hiến của họ, đặc biệt về mặt đãi ngộ.

V. Điều kiện và môi trường giáo dục ngoại ngữ

1. Thời lượng cần có đủ và phân bố mật độ và tần suất lên lớp sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và khả năng tiếp thu của người học thuộc các độ tuổi khác nhau.

2. Tài liệu giáo khoa phải được biên soạn theo đúng mục đích, mục tiêu, yêu cầu giáo dục quy định trong chương trình cho từng loại đối tượng người học và người dạy.

3. Thiết bị dạy học tiên tiến, hiện đại cần được trang bị phù hợp với mục đích, yêu cầu và khả năng sử dụng của giáo viên và học sinh của cơ sở đào tạo, hết sức tránh khoa trương hình thức.

4. Môi trường dạy học ngoại ngữ cần được tạo dựng và luôn luôn cải thiện trên cả hai mặt: a/ Tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp xúc trực tiếp với các nguồn thông tin, tri thức đến từ nước ngoài có chọn lọc (tài liệu, báo chí, phim ảnh, phát thanh, truyền hình, và người nước ngoài đến Việt Nam); b/ Tạo môi trường tâm lí vi mô (nhóm, lớp, nhà trường, gia đình...) và vĩ mô (xã hội, đoàn thể...) thông qua các hình thức vui chơi, cắm trại, thi olympic ngoại ngữ v.v... để động viên, khích lệ người học vươn tới những đỉnh cao về chất lượng.

VI. Quản lí chỉ đạo giáo dục ngoại ngữ

Vai trò quan trọng của người quản lí chỉ đạo và công tác của họ từ cấp trung ương đến cơ sở trong tất cả các khâu và các giai đoạn của quá trình giáo dục nói chung và giáo dục ngoại ngữ nói riêng đã được thừa nhận từ lâu. Tuy nhiên không phải ai cũng hiểu và gắn chặt vai trò và trách nhiệm trực tiếp của người quản lí và chỉ đạo với những kết quả cụ thể trong việc học tập và giảng dạy, mà người ta thường đặt họ ra ngoài và lên trên các hoạt động của thầy và trò. Nhận thức không đầy đủ đó khiến cho vấn đề chất lượng và hiệu quả cuối cùng không biết tùy thuộc vào ai. Khi đạt được thành tích cao người ta thường dành cho người quản lí, chỉ đạo những phần xứng đáng nhất, nhưng khi có sai sót, yếu kém thì chưa thấy mấy nhà quản lí nhận lỗi về mình mà thường đổ lỗi cho người dạy, người học. Nhưng cả trong thực tiễn và trong khoa học giáo dục đều có thể chứng minh được rằng người quản lí, chỉ đạo mới là người đầu tiên và cuối cùng có liên quan quyết định và trực tiếp nhất đến chất lượng và hiệu quả của cả sự nghiệp giáo dục. Nếu cả 5 nhân tố lần lượt nêu ra ở trên không được người quản lí, chỉ đạo nhận thức chính xác và đầy đủ để tạo ra những điều kiện thực thi tốt nhất và tổ chức, chỉ huy vận hành đồng bộ, nhịp nhàng, thì bất cứ một nhân tố nào đó dù có bứt phá đến đâu cũng không đủ sức cải thiện cơ bản tình trạng chất lượng giáo dục chung. Bởi vậy, việc lựa chọn những người quản lí, chỉ đạo giáo dục có ý

nghĩa cực kì quan trọng đối với hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục ngoại ngữ nói riêng. Nếu làm công việc lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục nói chung từ trung ương đến cơ sở thì nhất thiết phải lựa chọn những nhà khoa học giáo dục hàng đầu, am hiểu sâu rộng mọi mặt của giáo dục, đồng thời phải giỏi và giàu kinh nghiệm giáo dục trong ngành chuyên môn của mình. Còn nếu là người quản lí, chỉ đạo từng bộ môn chuyên ngành thì trước hết phải là chuyên gia hàng đầu cả về chuyên môn lẫn kinh nghiệm sư phạm. Đáng tiếc là lâu nay đã có những trường hợp bổ nhiệm những người chỉ biết dạy chuyên môn và thiếu kiến thức về giáo dục học vào các cương vị lãnh đạo chủ chốt của hệ thống giáo dục, từ bộ trưởng, vụ trưởng đến giám đốc, hiệu trưởng. Và khá phổ biến là việc bổ nhiệm làm chuyên viên theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy học của một ngành, một bộ môn từ Bộ đến Sở những người không đủ tài đức, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy bộ môn, nên đôi khi đã làm nhiễu loạn cả sự thẩm tra và đánh giá chính xác chất lượng giáo dục theo đúng mục tiêu, yêu cầu của bộ môn.

Tóm lại, *chỉ có triển khai đầy đủ, phối hợp đồng bộ tất cả những nhân tố tạo nên chất lượng và hiệu quả giáo dục ngoại ngữ kể trên, trong đó quản lí, chỉ đạo đóng vai trò trực tiếp nhất và quyết định nhất từ đầu đến cuối toàn bộ quá trình giáo dục, thì chất lượng và hiệu quả giáo dục mới được đảm bảo đúng mục đích và yêu cầu đề ra.*